

Số: 1678/HDLN-SKHĐT-STC-SCT-  
SNN&PTNT-SKHHCN- CN NHNN

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 9 năm 2021

## HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

**Về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025**

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 (gọi tắt là Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 (gọi tắt là Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn v/v ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 – 2025;

Liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Công thương - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

### Chương I HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Văn bản này hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện và xác định cơ quan đầu mối, thẩm định, phê duyệt cho từng nội dung cụ thể của chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.



2. Nguyên tắc áp dụng được thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

3. Điều kiện chung để được hưởng chính sách thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND. Các điều kiện cụ thể để được hưởng các chính sách thực hiện theo quy định từ điều 6 đến điều 12 của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7, Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

4. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định từ điều 6 đến điều 12 của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6, Khoản 7, Điều 1, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

5. Đối tượng thuộc quy định tại khoản 3, Điều 12a Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND được hỗ trợ như sau:

- Trường hợp sản phẩm được công nhận đạt chuẩn lần đầu: thì được hỗ trợ quy định tại khoản 3, Điều 12a Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND; khi sản phẩm tiếp tục được đánh giá nâng cấp, phân hạng lần sau cao hơn lần trước thì được thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai hạng sao cũ và mới.

- Trường hợp sản phẩm đã được công nhận đạt chuẩn trước khi Nghị quyết có hiệu lực: sản phẩm nâng cấp đạt ở hạng nào được thưởng mức hỗ trợ tại hạng đó; khi sản phẩm tiếp tục được đánh giá nâng cấp, phân hạng lần sau cao hơn lần trước thì được thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai hạng sao cũ và mới.

6. Cơ chế hỗ trợ thực hiện theo Điều 13 của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, được bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

7. Các tổ chức cá nhân thuộc đối tượng, đủ điều kiện, nếu có nhu cầu được hưởng chính sách thì làm thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo mẫu và trình tự tại Chương II của Hướng dẫn này.

8. Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách, căn cứ vào tình hình thực tế, UBND cấp huyện và các Sở được giao nhiệm vụ đầu mỗi thực hiện xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách (theo thứ tự ưu tiên) trước ngày 30 tháng 7 hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân giao chỉ tiêu kế hoạch vốn.

## **Chương II**

### **NHỮNG HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

#### **I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TÍN DỤNG**

**1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

#### **2. Quy trình thực hiện**

- Nhà đầu tư tự xác định đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND; lập Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng (Mẫu số 01/HTLS) gửi UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) nơi thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện kiểm tra các nội dung: (i) Nhà đầu tư có dự án đầu tư



trong danh mục dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc trong danh mục dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND; (ii) Kiểm tra thực tế dự án, xác nhận địa điểm, hiện trạng dự án; (iii) Dự án đề nghị được hỗ trợ là dự án chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác (Biên bản kiểm tra - Mẫu số 02/HTLS). Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn của nhà đầu tư, UBND cấp huyện xem xét, xác nhận phê duyệt hỗ trợ hoặc không phê duyệt hỗ trợ (nêu rõ lý do) theo Mẫu số 01/HTLS cho nhà đầu tư (lưu hồ sơ 01 bản).

- Nhà đầu tư mang Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn đến ngân hàng thương mại để được hướng dẫn thủ tục vay vốn ngân hàng.

Ngân hàng thương mại có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ vay vốn, tiến hành thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp không đồng ý cấp tín dụng: Ngân hàng thương mại ban hành văn bản thông báo về việc từ chối cấp tín dụng, nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư, đồng thời gửi cho UBND cấp huyện (cơ quan xác nhận Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng) 01 bản.

+ Trường hợp đồng ý cấp tín dụng: Ngân hàng thương mại thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân vốn cho vay theo quy định.

- Sau khi hoàn thành thủ tục vay vốn, ngân hàng thương mại gửi UBND cấp huyện văn bản thông báo về việc quyết định cho nhà đầu tư vay vốn (bao gồm một số nội dung cơ bản: Số tiền cho vay; thời hạn cho vay; lãi suất cho vay; kỳ hạn trả nợ gốc; kỳ hạn trả lãi tiền vay).

- Đến kỳ hạn thu lãi vay, ngân hàng thương mại thu toàn bộ số tiền lãi vay theo Hợp đồng tín dụng. Sau khi thực hiện quy trình thanh, quyết toán khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng theo quy định tại mục 1 phần VIII, Chương II Hướng dẫn này và được ngân sách cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất tín dụng, ngân hàng thực hiện chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho nhà đầu tư.

### **3. Hồ sơ hỗ trợ lãi suất tín dụng**

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ lãi suất của UBND cấp huyện.

- Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của Nhà đầu tư đã được UBND cấp huyện xác nhận (Mẫu số 01/HTLS).

- Biên bản kiểm tra trước khi xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của UBND cấp huyện (Mẫu số 02/HTLS).

- Thông báo của ngân hàng thương mại về việc quyết định cho nhà đầu tư vay vốn.

## **II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ VỀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH**

**1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND khoản 3, 4, 5 Điều 1; khoản 1, Điều 12a, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

### **2. Trình tự, thủ tục, quyết định hỗ trợ đầu tư**



a) Sau khi dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân chuẩn bị thực hiện đầu tư xây dựng công trình thì tự đối chiếu các chính sách theo quy định của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND và Hướng dẫn này, có văn bản đăng ký nhu cầu hỗ trợ theo Nghị quyết nộp cho UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án để UBND cấp huyện tổng hợp, đăng ký nhu cầu bố trí Kế hoạch vốn hằng năm khi đủ điều kiện.

b) Trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ khi dự án/công trình được nghiệm thu hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng, Nhà đầu tư làm thủ tục đề nghị hỗ trợ (gửi 06 bộ hồ sơ) đến UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án. Quá thời gian trên, Nhà đầu tư, tổ chức cá nhân không thực hiện thủ tục đề nghị nhận hỗ trợ coi như không có nhu cầu và không được xem xét hỗ trợ theo quy định.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ đầu tư, UBND cấp huyện giao phòng chuyên môn hoặc thành lập Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm tra/thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư và báo cáo UBND cấp huyện (theo mẫu số 02/HTĐT), gồm:

- Thẩm tra/thẩm định dự án thuộc đối tượng thụ hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

- Thẩm tra/thẩm định nội dung, định mức, đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và khoản 3, 4, 5 Điều 1; khoản 1, Điều 12a, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND và Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

- Kiểm tra hiện trường đánh giá dự án đầu tư xây dựng theo Biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn thành công trình do Nhà đầu tư cung cấp theo quy định của pháp luật xây dựng.

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của phòng chuyên môn hoặc Hội đồng thẩm định, UBND cấp huyện ban hành văn bản cam kết hỗ trợ (Mẫu 03/HTĐT) hoặc từ chối hỗ trợ (trường hợp từ chối hỗ trợ thì phải có văn bản gửi Nhà đầu tư nêu rõ lý do) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hỗ trợ.

e) Định kỳ trước 31/5 và 31/10 hằng năm, UBND các huyện, thành phố tổng hợp danh sách các dự án đủ điều kiện hỗ trợ đầu tư, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp danh sách Dự án được hỗ trợ đầu tư, trình UBND tỉnh phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư cho cấp huyện theo kỳ ngân sách (6 tháng hoặc năm kế hoạch).

f) Căn cứ Quyết định phân bổ vốn hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho các huyện, thành phố. Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện nhập dự toán trên hệ thống Tabmis để thanh toán cho các dự án.

### **3. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của Nhà đầu tư (mẫu số 01/HTĐT);

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với Nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp, Giấy chứng



nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký HTX hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với Nhà đầu tư là tổ chức.

c) Đề xuất dự án đầu tư (nếu có)

d) Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

đ) Hồ sơ bảo vệ môi trường phù hợp với quy mô đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

e) Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (Bản sao có chứng thực);

f) Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư theo quy định của pháp luật xây dựng;

#### **4. Nội dung nghiệm thu.**

Nội dung nghiệm thu: Nghiệm thu toàn bộ dự án theo Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình được phê duyệt tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND tỉnh ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 và các quy định về nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, nghiệm thu hoàn thành dự án đầu tư theo quy định của pháp luật xây dựng để lập Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu.

Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu theo Mẫu số 04/HTĐT.

### **III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU**

**1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

#### **2. Thành phần số lượng hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

##### **2.1. Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 1 Điều 9:**

- Công văn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01/SKHCM);

- Bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); giấy đăng ký kinh doanh (đối với hộ kinh doanh), Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) đối với cá nhân;

- Bản sao có chứng thực: Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị làm dịch vụ, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; Bản photocopy hóa đơn, giấy chuyển tiền của nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện;

- Kết quả/sản phẩm cuối cùng: Bản sao có chứng thực văn bản cấp mã code QR và tem truy xuất nguồn gốc.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

##### **2.2. Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 2 Điều 9:**

- Công văn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01/SKHCM);

- Bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); giấy



đăng ký kinh doanh (đối với hộ kinh doanh); Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) đối với cá nhân;

- Bản sao có chứng thực: Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị làm dịch vụ thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (logo nhãn hiệu, *nhãn hàng hóa, bao bì...*), biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; Bản photocopy hóa đơn, giấy chuyển tiền của nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện;

- Bản photocopy chứng từ nộp lệ phí đăng ký nhãn hiệu hoặc Bản sao có chứng thực Hợp đồng và Biên bản thanh lý Hợp đồng, bản photocopy hóa đơn dịch vụ đăng ký nhãn hiệu qua đại diện sở hữu công nghiệp.

- Kết quả đăng ký nhãn hiệu: Bản sao có chứng thực Quyết định chấp thuận đơn hợp lệ về đăng ký nhãn hiệu của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam hoặc Quyết định bảo hộ nhãn hiệu của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (*Thu tục đăng ký được thực hiện theo Thông tư 01/2007/TT-BKHCN và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ*). Ngày ban hành của Quyết định sau ngày 20/12/2019 (Thời điểm Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 có hiệu lực).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

### **2.3. Đối với nội dung hỗ trợ tại Khoản 3 Điều 9**

- Công văn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01/SNN)

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); Hộ khẩu thường trú hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (đối với cá nhân);

- Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị làm dịch vụ, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (bản sao các chứng từ, hóa đơn, giấy chuyển tiền của nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện);

- Kết quả/sản phẩm cuối cùng: Bản sao chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, Organic: Nhà đầu tư được cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn do các tổ chức chứng nhận cấp.

-Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

## **3. Trình tự thực hiện**

### **3.1. Đối với khoản 1, khoản 2 Điều 9**

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về UBND cấp huyện, thành phố (qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, phòng kinh tế thành phố).

b) UBND cấp huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư trên địa bàn, kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị và thực hiện các bước sau:

- Trong trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đáp ứng điều kiện nhưng không đầy đủ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện, thành phố thông báo cho Nhà đầu tư bổ sung các loại giấy tờ theo quy định.

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, đáp ứng điều kiện và hợp lệ, UBND cấp huyện, thành phố thẩm định hồ sơ của Nhà đầu tư. Trên cơ sở kết quả thẩm định,



UBND cấp huyện, thành phố xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ. Kết quả thông báo cho Nhà đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận hồ sơ hợp lệ.

### **3.2. Đối với khoản 3 Điều 9**

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) về UBND cấp huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố).

b) Sau khi tiếp nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố xem xét hồ sơ đề nghị và thực hiện các bước sau:

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, đáp ứng điều kiện và hợp lệ: Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố trực tiếp thẩm định hiện trường dự án, mô hình được hỗ trợ và nghiệm thu hồ sơ; nếu hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ;

- Trong trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chưa đáp ứng điều kiện, chưa đầy đủ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố thông báo cho Nhà đầu tư bổ sung hồ sơ theo quy định.

## **IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG**

**1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6, Điều 9. Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

**2. Quy trình lập, xây dựng và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ kinh phí mở rộng thị trường**

2.1. Các nhà đầu tư có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí hỗ trợ mở rộng thị trường, chậm nhất vào ngày 30/5 của năm trước năm kế hoạch, lập Đề án hỗ trợ mở rộng thị trường (tổ chức hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng; tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và ngoài nước; thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện (qua Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện).

Hồ sơ nộp 01 bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ mở rộng thị trường (theo mẫu số 04/SCT (Sở Công Thương));

b) Phương án mở rộng thị trường (theo mẫu số 01/SCT);

c) Danh mục sản phẩm (theo mẫu số 02/SCT);

d) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), đăng ký kinh doanh hợp tác xã (đối với hợp tác xã), đăng ký hộ kinh doanh hoặc chứng minh thư



nhân nhân (đối với cá nhân).

2.2. UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, thẩm định đề án, tổng hợp danh sách các đề án có đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ kinh phí và gửi kèm theo báo cáo thẩm định, lập văn bản đề nghị và dự kiến kinh phí hỗ trợ mở rộng thị trường kèm theo các hồ sơ gửi Sở Công Thương trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện trước ngày **30/6** của năm trước năm kế hoạch.

2.3. Trên cơ sở văn bản đề nghị hỗ trợ mở rộng thị trường của UBND cấp huyện nơi nhà đầu tư đăng ký trụ sở chính; Sở Công Thương lựa chọn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện.

2.4. Sở Công Thương căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định và các văn bản hiện hành tiến hành thẩm định các đề án đề nghị tham gia mở rộng thị trường tổng hợp Danh mục trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước ngày **30/7** của năm trước năm kế hoạch.

2.5. Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Công Thương gửi qua đường bưu điện cho cá nhân, tổ chức có tên trong danh sách được phê duyệt biết và triển khai thực hiện, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện và Trang thông tin điện tử tổng hợp của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

### **3. Trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ kinh phí**

**3.1. Đối với hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng;** (khoản 4, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND).

*a) Điều kiện hỗ trợ:* Nhà đầu tư tham gia tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định và đặt trụ Sở chính trên địa bàn tỉnh, đồng thời có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

#### *b) Thành phần hồ sơ:*

- Công văn đề nghị quyết toán và thanh lý hợp đồng (*Theo mẫu số 05/SCT*);

- Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và Thanh lý hợp đồng giữa đơn vị dự toán và đơn vị thụ hưởng kinh phí hỗ trợ;

- Hình ảnh thông tin về nhà đầu tư, sản phẩm; logo của nhà đầu tư cần đăng thông tin tuyên truyền quảng bá (nếu có);

- Sản phẩm tuyên truyền đã thực hiện (USB hoặc đĩa in sao clip, phóng sự tuyên truyền, báo in...).

- Hợp đồng giữa Nhà đầu tư với đơn vị thực hiện dịch vụ tuyên truyền, quảng bá, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giấy chuyển tiền (nếu có) đối với nội dung được hỗ trợ (bản photo và bản gốc đối chứng).

**3.2. Đối với nội dung tham gia triển lãm, hội chợ trong nước, ngoài nước;** (khoản 5, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND).

*a) Điều kiện hỗ trợ:* Nhà đầu tư tham gia triển lãm, hội chợ trong nước,



ngoài nước do các Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh chỉ đạo và đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, đồng thời Nhà đầu tư có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

**b) Thành phần hồ sơ:**

- Công văn đề nghị quyết toán và thanh lý hợp đồng (Theo mẫu số 05/SCT);
- Công văn mời tham gia Hội chợ;
- Đăng ký tham gia Hội chợ;
- Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và Thanh lý hợp đồng giữa đơn vị dự toán và đơn vị thụ hưởng kinh phí hỗ trợ;
- Đề xuất, quyết định, công văn cử đoàn tham gia Hội chợ (nếu có);
- Biên bản giao nhận gian hàng (nếu có);
- Xác nhận của Ban tổ chức Hội chợ về việc tham gia hội chợ, triển lãm và việc chấp hành các quy định của Ban tổ chức trong thời gian tham gia hội chợ, triển lãm; (theo mẫu số 03/SCT);
- Cung cấp bản Photo Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và Thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ thanh toán, giấy chuyển tiền thuê gian hàng; thuê xe; tiền pano hoặc in maket gian hàng; in tờ rơi ... đi tham gia hội chợ (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu;
- Giấy đề nghị thanh toán tiền lưu trú và tiền ngủ (có bảng kê và hóa đơn tiền ngủ kèm theo);
- Ảnh chụp gian hàng;
- Đối với chi phí tham gia hội chợ ngoài nước thực hiện theo quy định hiện hành.

**3.3. Đối với nội dung thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ;** (khoản 6, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND).

**a) Điều kiện hỗ trợ:** Nhà đầu tư thuê địa điểm trên địa bàn tỉnh để bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ và nhà đầu tư có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

**b) Thành phần hồ sơ:**

- Công văn đề nghị quyết toán và thanh lý hợp đồng (Theo mẫu số 05/SCT);
- Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và Thanh lý hợp đồng giữa đơn vị dự toán và đơn vị thụ hưởng kinh phí hỗ trợ;
- Bản sao hợp lệ Hợp đồng thuê địa điểm trên địa bàn tỉnh giữa nhà đầu tư và chủ sở hữu địa điểm;
- Bản sao chứng từ thu tiền thuê địa điểm của chủ địa điểm;



- Thanh lý hợp đồng, chứng từ thành toán tiền hoặc giấy chuyển tiền (nếu có) đối với nội dung được hỗ trợ (bản photo và bản gốc đối chứng);
- Bản phôi tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên cho thuê địa điểm;
- Chụp ảnh địa điểm thuê.

**3.4. Số lượng hồ sơ:** 02 bộ/01 nội dung đề xuất hỗ trợ.

### **3.5. Quy trình nhận hỗ trợ và thanh toán kinh phí**

- Nhà đầu tư có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện hỗ trợ gửi hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại). Thời gian chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thực hiện các nội dung được hỗ trợ.

- Căn cứ vào hồ sơ của các chủ đầu tư đã thực hiện, các quy định về thanh toán tài chính, Sở Công Thương rà soát, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ hoàn thiện các thủ tục để nhà đầu tư nhận tiền hỗ trợ theo quy định.

- Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được hoàn thiện và có tính hợp lệ, Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại) sẽ hoàn tất các thủ tục và chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

## **V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

**1. Nội dung và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

### **2. Các bước thực hiện hỗ trợ**

a) Bước 1. Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ (*tại trung tâm hành chính công*) đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và PTNT đối với dự án do UBND tỉnh phê duyệt; gửi hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thành phố đối với dự án do UBND cấp huyện, thành phố phê duyệt. Hồ sơ đề nghị gồm có:

- + Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết. (Mẫu số 02/SNN)
- + Dự án liên kết. (Mẫu số 03/SNN)
- + Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Mẫu số 04/SNN).
- + Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) (Mẫu số 05/SNN)
- + Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. (Mẫu số 06/SNN)



+ Bản sao chụp Hợp đồng liên kết.

Đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, cơ quan chủ trì nghiệm thu thông báo (nêu rõ lý do) cho chủ trì dự án liên kết biết.

**b) Bước 2.**

Cấp tỉnh (dự án do UBND tỉnh phê duyệt): Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng nghiệm thu hồ sơ. Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Hội đồng nghiệm thu tiến hành nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND tỉnh phê duyệt;

Cấp huyện (dự án do UBND cấp huyện, thành phố phê duyệt): Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thành phố thành lập Hội đồng nghiệm thu. Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Hội đồng nghiệm thu tiến hành nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND huyện, thành phố phê duyệt.

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ do hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan chủ trì nghiệm thu thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn chủ trì liên kết chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp chủ trì liên kết không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì cơ quan có thẩm quyền thông báo đến chủ trì liên kết lý do không hỗ trợ (Mẫu Biên bản nghiệm thu số 07/SNN).

## **VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI VÀ ĐƯA TRÍ THỨC TRỞ VỀ LÀM VIỆC TẠI HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

**1. Nội dung và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

**2. Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp**

**a) Nội dung hỗ trợ:** theo khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

**b) Thủ tục hồ sơ hỗ trợ:**

Bước 1. Hội đồng quản trị hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hỗ trợ về Phòng Tài chính - Kế hoạch (thuộc UBND cấp huyện) để tổng hợp.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hỗ trợ thành lập Hợp tác xã (HTX) (Mẫu số 08/SNN);
- Bảng kê chi phí tuyên truyền, vận động thành lập HTX (Kèm theo Mẫu số 09/SNN);
- Biên bản Hội nghị thành lập HTX (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý nhà nước về loại hình sản xuất kinh doanh);
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bản photo);
- Điều lệ hợp tác xã; phương án sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã liên quan đến phát triển sản phẩm chủ lực hoặc tham gia chương trình OCOP,



chương trình phát triển, hỗ trợ khác của tỉnh, huyện...;

**Bước 2.** Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành thẩm định tại địa bàn thành lập Hợp tác xã, nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND cấp huyện; UBND cấp huyện xem xét phê duyệt hỗ trợ;

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ do hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn Hợp tác xã chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp Hợp tác xã không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì thông báo đến Hợp tác xã lý do không hỗ trợ.

### **3. Hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã**

**a) Nội dung hỗ trợ:** theo khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

#### **b) Tiêu chuẩn lựa chọn trí thức trẻ**

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, năng động và sáng tạo.
- Độ tuổi không quá 35 đối với nữ và 40 tuổi đối với nam, có đủ sức khỏe, trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm của Hợp tác xã, có khả năng tham mưu tốt cho ban quản lý Hợp tác xã trong việc xây dựng và triển khai phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

- Có nguyện vọng về làm việc tại hợp tác xã trong thời gian tối thiểu 03 năm (36 tháng) tuân thủ quy chế làm việc của Hợp tác xã.

- Ưu tiên: Cán bộ kỹ thuật, cán bộ kế toán để hỗ trợ quản trị, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu và lĩnh vực hoạt động chính của Hợp tác xã; trí thức trẻ là con em trong các thành viên hợp tác xã, người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn nhưng vẫn bảo đảm đáp ứng về năng lực, trình độ; sau đó là các cán bộ trẻ từ địa bàn khác được lựa chọn có bằng loại giỏi xuất sắc, đã có kinh nghiệm thực tiễn.

#### **c) Trình tự thực hiện**

**Bước 1.** Hợp tác xã nông nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế) cấp huyện nơi HTX hoạt động.

**Bước 2.** Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế) cấp huyện chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các Phòng, ban có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định trình UBND cấp huyện; UBND cấp huyện xem xét phê duyệt hỗ trợ;

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ do hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn Hợp tác xã chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp Hợp tác xã không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì thông báo đến Hợp tác xã lý do không hỗ trợ.

\* Hồ sơ của hợp tác xã gồm:

- Giấy đề nghị của Hợp tác xã về hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn (Mẫu số 10/SNN);



- Phương án sử dụng lao động (Mẫu số 11/SNN);
- Phương án sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã (Mẫu số 12/SNN);
- Đơn xin làm việc và có cam kết phục vụ lâu dài tại Hợp tác xã (của Trí thức trẻ).
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương;
- Giấy khám sức khỏe (trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ);
- Các văn bằng, chứng chỉ.

**d) Chế độ chính sách:**

- Mức hỗ trợ bằng số lượng người lao động nhân (x) mức lương tối thiểu vùng/tháng.
- Các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (ví dụ: BHXH, BHYT, BHTN ...) do hợp tác xã và người lao động chi trả theo quy định.

**VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THEO ĐỀ ÁN “CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) TỈNH LẠNG SƠN”**

**1. Nội dung và mức hỗ trợ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 12a Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.

**2. Trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ.**

**2.1. Đối với nội dung hỗ trợ khoản 1, khoản 2, Điều 12a:** thực hiện trình tự thủ tục tương ứng với từng quy định hỗ trợ quy định tại Điều 6,7,8,9,12 của Nghị quyết.

**2.2. Đối với nội dung hỗ trợ khoản 3, Điều 12a:**

Bước 1. Đối tượng nộp hồ sơ chứng nhận sản phẩm OCOP theo quy định bao gồm: Giấy chứng nhận và Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng (nâng hạng) và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện.

Bước 2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì trình UBND cấp huyện phê duyệt chi thường theo mức thưởng quy định.

**VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ THANH, QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**

**1. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng** tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND

a) Định kỳ hàng quý (10 ngày đầu tháng quý sau), Các chi nhánh ngân hàng thương mại tại các huyện, thành phố lập bảng kê hỗ trợ lãi suất tín dụng (Mẫu số 03/HTLS) gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố xem xét thẩm tra.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố: Trong thời hạn 05 ngày làm việc (theo dấu văn bản đến), kể từ ngày nhận được Bảng kê hỗ trợ lãi



suất tín dụng do ngân hàng thương mại chi nhánh các huyện, thành phố gửi, chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện thẩm tra và lập biên bản thẩm tra theo (Mẫu số 04/HTLS) làm cơ sở thanh, quyết toán. Thực hiện kiểm soát hồ sơ chứng từ, bảo đảm các điều kiện thanh toán tại đề nghị hỗ trợ lãi suất tín dụng của các ngân hàng.

d) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ Dự toán đã được giao từ đầu năm, cấp hỗ trợ kinh phí cho các ngân hàng cho vay vốn bằng hình thức lệnh chi tiền qua Kho bạc nhà nước.

e) Công tác quyết toán: Kết thúc năm ngân sách, Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay vào quyết toán ngân sách các huyện, thành phố hàng năm. Đồng thời tổng hợp quyết toán kinh phí cùng với quyết toán ngân sách huyện theo quy định.

## **2. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán điều 9, điều 10 điều 11 Nghị Quyết 08/2019/NQ-HĐND và khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.**

### *1.1. Trình tự thanh toán*

a) Đối với dự án do các Sở, ngành làm đầu mối:

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh và dự toán đã được giao đầu năm, Sở Tài chính nhập dự toán kinh phí cho các Sở được giao chủ trì thẩm tra phê duyệt hồ sơ các khoản hỗ trợ; Các Sở tiến hành cấp kinh phí hỗ trợ cho Nhà đầu tư theo quy định.

b) Đối với dự án cấp huyện làm đầu mối:

Căn cứ quyết định giao dự toán hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính thông báo và nhập dự toán cho UBND các huyện thành phố.

Các đơn vị được hỗ trợ gửi hồ sơ đến phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ Dự toán đã được giao từ đầu năm, cấp hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị bằng hình thức lệnh chi tiền qua Kho bạc nhà nước theo quy định.

### **1.2. Quyết toán nguồn hỗ trợ:**

- Đối với dự án do các Sở ngành làm đầu mối: Kết thúc năm ngân sách, các Sở tổng hợp quyết toán kinh phí cùng với quyết toán năm ngân sách theo quy định

- Đối với dự án cấp huyện làm đầu mối: Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố quyết toán nguồn vốn hỗ trợ vào quyết toán ngân sách các huyện, thành phố hàng năm, đồng thời tổng hợp quyết toán kinh phí cùng với quyết toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định.

## **3. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, khoản 3, 4, 5 Điều 1; khoản 1, Điều 12a, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND.**



Việc quản lý và thanh toán các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, cụ thể như sau:

a) Thành phần hồ sơ hỗ trợ thanh toán vốn hỗ trợ đầu tư: Nhà đầu tư gửi Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư 01 bộ hồ sơ đề nghị giải ngân, thanh toán vốn hỗ trợ, thành phần hồ sơ gồm:

- + Bản sao văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho dự án của cấp có thẩm quyền;
- + Bản sao Quyết định phân bổ vốn của cấp có thẩm quyền;
- + Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Mẫu số 11 kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước);
- + Chứng từ chuyển tiền theo quy định của Bộ Tài chính;
- + Biên bản nghiệm thu của hội đồng nghiệm thu (theo Mẫu số 04/HTĐT)".

b) Trình tự thanh toán vốn hỗ trợ đầu tư:

- Nhà đầu tư thực hiện mở mã số dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách. Hồ sơ đăng ký mở mã số dự án gửi về Trung tâm hành chính công tỉnh Lạng Sơn hoặc đăng ký mở mã số trực tuyến.

- Nhà đầu tư gửi Kho bạc nhà nước huyện nơi mở tài khoản cấp phát vốn đầu tư 01 bộ hồ sơ đề nghị giải ngân vốn hỗ trợ (*thành phần quy định tại điểm a nêu trên*).

- Kho bạc nhà nước thực hiện giải ngân vốn hỗ trợ theo quy trình giải ngân vốn đầu tư công trong vòng 3 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ".

c) Quyết toán vốn hỗ trợ: Kết thúc năm ngân sách, Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố quyết toán nguồn vốn hỗ trợ vào quyết toán ngân sách các huyện, thành phố hằng năm, đồng thời tổng hợp quyết toán kinh phí cùng với quyết toán ngân sách huyện, thành phố theo quy định.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương, Khoa học và Công nghệ và UBND các huyện, thành phố giao bộ phận chuyên môn hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định các đề nghị hỗ trợ đầu tư theo quy định.

2. Quyết toán các khoản kinh phí hỗ trợ:

- Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và quy định tại Hướng dẫn này.


- Các khoản kinh phí còn dư (nếu có) phải hoàn trả ngân sách nhà nước, trường hợp có nhu cầu sử dụng phải báo cáo Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định.



3. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn liên ngành số 609/HDLN-SKHĐT-STC-SCT-SNN&PTNN-SKH-CN-CNNHNN ngày 27/4/2020 của liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Công thương - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắc, nhà đầu tư, cơ quan liên quan cần kịp thời báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Hữu Chiến*

**SỞ TÀI CHÍNH**  
**GIÁM ĐỐC**



*Đỗ Hoàng Quý*

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thị Hà*

**SỞ CÔNG THƯƠNG**  
**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Đình Đại*

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN**  
**GIÁM ĐỐC**



*Lý Việt Hưng*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
CHI NHÁNH TỈNH**  
**GIÁM ĐỐC**



*Trương Thu Hòa*